

HIỆP ĐỊNH
KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG
HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ RUMANI
Ngày 01 tháng 09 năm 1994

Nhằm tăng cường sự hợp tác kinh tế có lợi cho cả hai nước; mong muốn tăng cường và tạo những điều kiện thuận lợi cho đầu tư của các nhà đầu tư của Bên ký kết này tại lãnh thổ của Bên ký kết kia và nhận thấy sự cần thiết phải khuyến khích và bảo hộ đầu tư nước ngoài để phát triển sự phồn thịnh kinh tế của cả hai nước. Hai bên đã thỏa thuận như sau

Điều 1:

Định nghĩa

Theo tinh thần của Hiệp định này:

(1) Thuật ngữ "nhà đầu tư" liên quan tới mỗi Bên ký kết là:

(a) thể nhân được coi là công dân của Bên ký kết theo luật nước đó;

(b) các thực thể pháp lý, gồm các công ty, tập đoàn, các hiệp hội kinh doanh và các tổ chức khác được thành lập hoặc tổ chức phù hợp với Luật của Bên ký kết đó, có trụ sở và có hoạt động kinh tế thực sự của mình tại lãnh thổ của Bên ký kết đó.

(2) Thuật ngữ "đầu tư" bao gồm các loại tài sản, đặc biệt là:

(a) Sở hữu động sản và bất động sản cũng như các quyền chiếm giữ tài sản khác như thế chấp, cầm cố;

(b) Cổ phần, phần tham gia hoặc bất cứ một dạng tham gia nào khác vào các công ty;

(c) Yêu cầu về tiền hoặc quyền đối với bất kỳ công việc nào có giá trị kinh tế.

(d) Quyền sở hữu trí tuệ như quyền tác giả, bằng sáng chế, kiểu dáng hoặc thiết kế công nghiệp, nhãn hiệu dịch vụ hay thương mại, tên thương mại, công nghệ hay đặc quyền kế nghiệp cũng như các quyền tương tự khác được luật pháp của các Bên ký kết công nhận.

(e) Các tô nhượng theo Luật kể cả tô nhượng về thăm dò, tinh chế hay khai thác tài nguyên như các quyền theo Luật, hợp đồng hay theo quyết định phù hợp với Luật của cơ quan có thẩm quyền.

Mọi thay đổi của hình thức tài sản đã đầu tư hoặc tái đầu tư sẽ không ảnh hưởng đến tính chất của chúng như là một đầu tư.

3. Thuật ngữ "thu nhập" nghĩa là những khoản thu có được từ đầu tư và đặc biệt, nhưng không phải chỉ là, lợi nhuận, lãi cổ phần, lãi lợi tức được chia, tiền bản quyền, thu về việc trợ giúp kỹ thuật hoặc quản lý hoặc các phí khác bất kể thu nhập được trả dưới hình thức nào.

4. Thuật ngữ "lãnh thổ" có nghĩa là lãnh thổ của các Bên ký kết, kể cả lãnh hải và vùng kinh tế đặc quyền mà trên đó quốc gia liên quan thực hiện chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán theo luật quốc gia và luật quốc tế.

Điều 2

Khuyến khích, chấp nhận

1. Mỗi Bên ký kết sẽ khuyến khích với khả năng có thể đối với đầu tư của các nhà đầu tư Bên ký kết kia trên lãnh thổ của mình và chấp nhận các đầu tư đó phù hợp với pháp luật nước mình.

2. Khi một Bên ký kết đã chấp thuận một đầu tư vào lãnh thổ của mình trên cơ sở pháp luật và quy định của mình sẽ bảo đảm cấp các giấy phép cần thiết liên quan đến đầu tư đó, kể cả việc cho phép lựa chọn người quản lý và kỹ thuật viên bất kể có quốc tịch nào.

Điều 3

Bảo hộ, đối xử

1. Trong phạm vi lãnh thổ của mình, mỗi Bên ký kết sẽ bảo hộ cho đầu tư của nhà đầu tư Bên ký kết kia phù hợp pháp luật của mình và sẽ không sử dụng các biện pháp phi lý hoặc phân biệt đối xử đối với việc quản lý, duy trì, sử dụng, hưởng thụ, kéo dài, bán hoặc thanh lý các đầu tư đó. Đặc biệt là mỗi Bên ký kết hoặc cơ quan có thẩm quyền phải cấp các giấy phép cần thiết nêu trong khoản 2 Điều 2 của Hiệp định này.

2. Mỗi Bên ký kết phải bảo đảm đối xử thỏa đáng và công bằng đối với đầu tư của các nhà đầu tư ký kết Bên kia trên lãnh thổ của mình. Việc đối xử này không được kém thuận lợi hơn đối xử của mỗi Bên ký kết đối với đầu tư của các nhà đầu tư bất kỳ nước thứ ba nào trên lãnh thổ của mình.

3. Điều khoản về tối huệ quốc sẽ không bao hàm nghĩa vụ bắt buộc một Bên ký kết phải dành cho nhà đầu tư hoặc đầu tư của Bên ký kết kia những ưu đãi xuất phát từ liên minh thuế quan hoặc liên minh kinh tế hoặc khu vực thương mại tự do đã có hoặc sẽ có mà mỗi Bên ký kết đã hoặc sẽ tham gia. Sự đối xử này cũng không liên quan đến bất kỳ ưu đãi nào mà một trong hai Bên ký kết dành cho nhà đầu tư của một nước thứ ba theo một hiệp định chống thuế hai lần hoặc theo các hiệp định song phương khác về vấn đề thuế.

Điều 4

Sự tự do chuyển ra nước ngoài

1. Khi trên lãnh thổ của một Bên ký kết đã có đầu tư của các nhà đầu tư của Bên ký kết kia, thì Bên đó sẽ bảo đảm cho các nhà đầu tư này tự do chuyển ra nước ngoài các khoản thanh toán liên quan đến các đầu tư đó, đặc biệt là:

(a) Các thu nhập nêu trong khoản 3 Điều 1 của Hiệp định này.

(b) Các khoản liên quan đến tiền vay hoặc các nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng khác cho đầu tư; và

(c) Các khoản do bán toàn bộ hoặc một phần chuyển nhượng hoặc thanh lý đầu tư.

2. Kể cả qui định nêu trong khoản 1 của Điều này, mỗi Bên ký kết trong những tình huống kinh tế hay tài chính đặc biệt, có thể ban hành những hạn chế về hối đoái phù hợp với pháp luật và qui định của nước mình (và phù hợp với các điều khoản trong Hiệp định của Quỹ Tiền tệ Quốc tế).

3. Nếu không có thỏa thuận nào khác với nhà đầu tư, tỷ giá chuyển đổi áp dụng là tỷ giá chuyển đổi tại ngày chuyển phù hợp với qui định quản lý ngoại hối hiện hành của Bên ký kết nơi có đầu tư.

Điều 5

Tước đoạt quyền sở hữu, bồi thường

1. Không Bên ký kết nào được trực tiếp hay gián tiếp áp dụng các biện pháp tước đoạt quyền sở hữu, quốc hữu hóa hoặc các biện pháp khác có tính chất và hậu quả tương tự đối với đầu tư của các nhà đầu tư Bên ký kết kia, trừ phi các biện pháp này được thực hiện vì lợi ích công cộng nêu trong luật pháp, trên cơ sở không phân biệt đối xử và theo đúng thủ tục pháp luật và qui định bồi thường có hiệu quả và thỏa đáng. Tiền bồi thường kể cả lãi được thanh toán không chậm trễ bằng đồng tiền tự do chuyển đổi cho nhà đầu tư. Tiền bồi thường có được, được chuyển tự do và nhanh chóng.

2. Các nhà đầu tư của một Bên ký kết có đầu tư bị thiệt hại do chiến tranh hoặc bất kỳ một xung đột vũ trang nào khác, cách mạng, tình trạng khẩn cấp toàn quốc, bạo loạn trên lãnh thổ của Bên ký kết kia sẽ được hưởng đối xử theo khoản 2 Điều 3 của Hiệp định này. Trong mọi trường hợp họ phải được bồi thường.

Điều 6

Áp dụng hiệp định

Hiệp định này được áp dụng cho những đầu tư kể từ sau ngày Hiệp định này có hiệu lực.

Điều 7

Các nghĩa vụ khác

1. Nếu pháp luật của một trong hai Bên ký kết dành cho đầu tư của các nhà đầu tư Bên ký kết kia sự đối xử thuận lợi hơn Hiệp định này qui định, thì pháp luật đó sẽ áp dụng thay cho Hiệp định này và những gì mà nó thuận lợi hơn.

2. Mỗi Bên ký kết phải thực hiện mọi nghĩa vụ khác liên quan đến đầu tư của các nhà đầu tư Bên ký kết kia trong lãnh thổ của mình mà Bên ký kết này đã chấp nhận.

Điều 8

Nguyên tắc thế quyền

Nếu một trong hai Bên ký kết hoặc cơ quan được uỷ quyền trả tiền cho nhà đầu tư của mình thế một bảo đảm tài chính về các rủi ro phi mậu dịch mà Bên ký kết này đã cho phép đối với đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, thì Bên ký kết kia, theo nguyên tắc thế quyền phải công nhận việc chuyển nhượng quyền hoặc danh nghĩa nào của nhà đầu tư đó cho Bên ký kết này hoặc cơ quan được uỷ quyền của Bên đó. Bên ký kết kia sẽ thực hiện nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ công cộng khác mà nhà đầu tư phải trả.

Điều 9

Tranh chấp giữa một Bên ký kết và một nhà đầu tư của Bên ký kết kia

1. Nhằm giải quyết các tranh chấp về đầu tư giữa một Bên ký kết với một nhà đầu tư của Bên ký kết kia, các Bên có liên quan sẽ thỏa thuận nhằm giải quyết trường hợp này, trong chừng mực có thể giải quyết bằng thương lượng.

2. Nếu trong vòng 6 tháng kể từ ngày đề nghị giải quyết, các Bên không thỏa thuận được giải pháp nào thì nhà đầu tư có thể lựa chọn và đề nghị giải quyết tại:

a) Tòa án có thẩm quyền của Bên ký kết nơi có đầu tư; hoặc

b) Trung tâm quốc tế giải quyết các tranh chấp đầu tư (ICSID) theo các quy định của Công ước về giải quyết tranh chấp đầu tư giữa nhà nước và các công dân của nhà nước khác ký mở ra ký kết tại Washington ngày 18 tháng 3 năm 1965 trong trường hợp các Bên ký kết là thành viên của Công ước này, hoặc

c) Một Tòa án trọng tài ad hoc thành lập theo qui tắc trọng tài của Ủy ban Liên hợp quốc về Luật Thương mại Quốc tế (UNCITRAL) nếu hai Bên không có thỏa thuận nào khác.

3. Một Bên ký kết đồng ý đưa vụ tranh chấp đầu tư ra hòa giải hoặc trọng tài quốc tế.

4. Bên ký kết là một Bên tranh chấp sẽ không được biện hộ bằng quyền miễn tố trong thời gian tố tụng hoặc việc nhà đầu tư đã nhận tiền bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm toàn bộ hay một phần tổn thất hoặc mất mát.

Điều 10

Tranh chấp giữa các Bên ký kết

1. Tranh chấp giữa các Bên ký kết liên quan đến việc giải thích hay áp dụng các điều khoản của Hiệp định này sẽ được giải quyết bằng đường ngoại giao.

2. Nếu cả hai Bên ký kết không đạt được sự thỏa thuận nào sau 12 tháng kể từ khi có tranh chấp thì theo đề nghị của một Bên ký kết vụ tranh chấp sẽ được đưa ra một toà án trọng tài gồm 3 thành viên. Mỗi Bên ký kết sẽ chỉ định một trọng tài và hai trọng tài viên này sẽ chỉ định một Chủ tịch là công dân của một nước thứ ba.

3. Nếu một Bên ký kết không chỉ định trọng tài viên của mình và sau hai tháng kể từ Bên ký kết đề nghị chỉ định như vậy vẫn chưa chỉ định được thì, theo đề nghị của Bên ký kết kia, trọng tài viên đó sẽ được chỉ định bởi Chủ tịch của tòa án Quốc tế.

4. Nếu sau hai tháng kể từ hi được chỉ định, hai trọng tài viên vẫn không thống nhất được việc chọn Chủ tịch, theo đề nghị của một trong hai Bên ký kết, Chủ tịch sẽ được chỉ định bởi Chủ tịch Tòa án Quốc tế.

5. Nếu trong các trường hợp nêu tại điểm 3 và 4 của Điều này, Chủ tịch Tòa án Quốc tế bị cản trở không thực hiện được chức năng như đã nêu hoặc là công dân của một trong hai Bên ký kết thì Phó Chủ tịch sẽ thực hiện việc chỉ định đó.

Nếu Phó Chủ tịch bị cản trở hoặc là công dân của một trong hai Bên ký kết thì việc chỉ định sẽ được thực hiện bởi thẩm phán cao cấp nhất của Tòa án không phải là thành viên của một trong hai Bên ký kết.

6. Tòa án trọng tài sẽ qui định thủ tục của mình nếu các bên ký kết không có qui định nào khác.

7. Mỗi Bên ký kết sẽ chịu chi phí cho trọng tài viên đã chỉ định và đại diện của mình trong tố tụng. Chi phí cho Chủ tịch và các chi phí còn lại do các bên ký kết chịu bằng nhau.

8. Quyết định của Tòa án sẽ là cuối cùng và có tính chất ràng buộc các Bên ký kết.

Điều 11

Điều khoản cuối cùng

1. Hiệp định này có hiệu lực sau 30 ngày kể từ khi các Bên ký kết thông báo cho nhau là đã hoàn thành các thủ tục pháp lý cần thiết cho Hiệp định này. Hiệp định này sẽ có hiệu lực trong một thời gian đầu là 10 năm. Trừ phi có thông báo chính thức về chấm dứt Hiệp định đưa ra 6 tháng trước khi hết hạn này. Hiệp định này sẽ coi như tiếp tục có hiệu lực trong 10 năm tiếp theo với những điều kiện và điều khoản như vậy.

2. Trong trường hợp có thông báo chính thức về chấm dứt Hiệp định này, các điều khoản từ Điều 1 đến Điều 10 sẽ tiếp tục có hiệu lực trong 10 năm nữa đối với các đầu tư thực hiện trước khi có thông báo chính thức này.

Để làm bằng, các đại diện có thẩm quyền của Chính phủ các Bên ký kết đã ký tên vào bản Hiệp định này.

Hiệp định này làm tại Bu-ca-ret ngày 1 tháng 9 năm 1994 thành hai bản gốc bằng tiếng Việt, tiếng Rumani, và tiếng Anh, văn bản các thứ tiếng đều có giá trị ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau trong việc giải thích thì sẽ lấy bản tiếng Anh làm căn cứ.